Biểu mẫu 05

Phụ lục

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

Năm rà soát: 2026

TT	Khu vực/Địa bàn	Tổng số hộ dân cư		Kết quả rà soát			
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4	5	6
I	**Khu vực nông thôn**						
1	Thôn Trung Thượng	288	1,000	6	2.1	7	2.43
2	Thôn Long Mai	388	1,463	17	4.4	7	1.80
3	Thôn Long Xuân	381	1,426	12	3,1	4	1,0
4	Thôn Kỳ Hát	100	381	6	6.0	3	3.00
5	Thôn Đồng Tròn	288	1,063	5	1.7	2	0.69
6	Thôn Sơn Châu	347	1,557	10	2.9	4	1.15
7	Thôn Long Sơn	517	1,979	10	1.9	6	1.16
8	Thôn Gò Tranh	297	1,100	9	3.0	4	1.35
	Tổng cộng:	**2,606**	**9,969**	**75**	**2.9**	**37**	**1.42**

Biểu mẫu 06

Phụ lục 02

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ NGHÈO TRONG NĂM

(Kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	UBND xã Sơn Mai	Phân tổ	Tổng số hộ nghèo đầu năm 2025 (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ nghèo			Diễn biến tăng số hộ nghèo				Tổng số hộ nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
				Số hộ thoát nghèo		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ nghèo đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,…	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...	
				Trở thành hộ cận nghèo	Vượt chuẩn cận nghèo			Tái nghèo	Phát sinh mới		
I	**Khu vực nông thôn**		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Thôn Trung Thượng	Hộ	17	0	11	0	0	0	0	0	6
		Nhân khẩu	25	0	18	0	0	0	0	0	7
2	Thôn Long Mai	Hộ	26	0	9	0	0	0	0	0	17
		Nhân khẩu	66	0	28	0	0	0	0	0	38
3	Thôn Long Xuân	Hộ	20	0	8	0	0	0	0	0	12
		Nhân khẩu	67	0	43	0	0	0	0	0	24
4	Thôn Kỳ Hát	Hộ	9	0	3	0	0	0	0	0	6
		Nhân khẩu	18	0	5	0	0	0	0	0	13
5	Thôn Đồng Tròn	Hộ	8	0	3	0	0	0	0	0	5
		Nhân khẩu	16	0	7	0	0	0	0	0	9
6	Thôn Sơn Châu	Hộ	12	0	2	0	0	0	0	0	10
		Nhân khẩu	61	0	11	0	0	0	0	0	50
7	Thôn Long Sơn	Hộ	17	0	7	0	0	0	0	0	10
		Nhân khẩu	68	0	18	0	0	0	0	0	50

8	Thôn Gò Tranh	Hộ	12	0	3	0	0	0	0	0	9
		Nhân khẩu	56	0	14	0	0	0	0	0	42
	Tổng cộng	**Hộ**	**121**	**0**	**46**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**75**
		Nhân khẩu	**377**	**0**	**144**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**233**

Biểu mẫu 07

Phụ lục 03

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ CẬN NGHÈO TRONG NĂM

(Kèm theo Quyết định số 1486QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	UBND xã Sơn Mai	Phân tổ	Tổng số hộ cận nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ cận nghèo			Diễn biến tăng số hộ cận nghèo				Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
				Số hộ thoát cận nghèo	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...	
								Tái cận nghèo	Phát sinh mới		
I	**Khu vực nông thôn**		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Thôn Trung Thượng	Hộ	19	12	0	0	0	0	0	0	7
		Nhân khẩu	59	46	0	0	0	0	0	0	13
2	Thôn Long Mai	Hộ	15	8	0	0	0	0	0	0	7
		Nhân khẩu	40	21	0	0	0	0	0	0	19
3	Thôn Long Xuân	Hộ	7	3	0	0	0	0	0	0	4
		Nhân khẩu	21	7	0	0	0	0	0		14
4	Thôn Kỳ Hát	Hộ	6	3	0	0	0	0	0	0	3
		Nhân khẩu	10	5	0	0	0	0	0	0	5
5	Thôn Đồng Tròn	Hộ	2	0	0	0	0	0	0	0	2
		Nhân khẩu	7	0	0	0	0	0	0	0	7
6	Thôn Sơn Châu	Hộ	6	2	0	0	0	0	0	0	4
		Nhân khẩu	29	9	0	0	0	0	0	0	20
7	Thôn Long Sơn	Hộ	11	5	0	0	0	0	0	0	6

7	Thôn Long Sơn	Nhân khẩu	24	13	0	0	0	0	0	0	11
8	Thôn Gò Tranh	Hộ	5	1	0	0	0	0	0	0	4
		Nhân khẩu	15	6	0	**0**	0	0	0	0	9
	Tổng cộng	**Hộ**	**71**	**34**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**37**
		Nhân khẩu	**205**	**107**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**98**

Biểu mẫu 8

Phụ lục 04

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

(Kèm theo Quyết định số 1486QĐ -UBND ngày 16 tháng 1 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	UBND xã Sơn Mai	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thôn Trung Thượng	6				6					6	6	1	5
2	Thôn Long Mai	17	7	4	4	17	4	4		4	4	4	4	4
3	Thôn Long Xuân	12	5	2	1	12	2	1	3	0	6	4	11	10
4	Thôn Kỳ Hát	6	0	3	0	6	0	0	0	2	3	5	3	3
5	Thôn Đồng Tròn	5	5	2		5	1		2	4		5	2	2
6	Thôn Sơn Châu	10	6	2	4	10	6	1	2	1	0	5	2	2
7	Thôn Long Sơn	10	6	1	0	10	1	2	0	7	0	8	0	1
8	Thôn Gò Tranh	9	8	0	0	9	3	4	1	0	0	9	2	0
	Tổng cộng:	**75**	**37**	**14**	**9**	**75**	**17**	**12**	**8**	**18**	**19**	**46**	**25**	**27**

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Biểu mẫu 9

Phụ lục 05

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ -UBND ngày 16 tháng 1 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	UBND xã Sơn Mai	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo (so với tổng số hộ nghèo)											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thôn Trung Thượng	6	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00	0.00	0.00	0.00	100.00	100.00	16.67	83.33
2	Thôn Long Mai	17	41.18	23.53	23.53	100.00	23.53	23.53	0.00	23.53	23.53	23.53	23.53	23.53
3	Thôn Long Xuân	12	41.67	16.67	8.33	100.00	16.67	8.33	25.00	0.00	50.00	33.33	91.67	83.33
4	Thôn Kỳ Hát	6	0.00	50.00	0.00	100.00	0.00	0.00	0.00	33.33	50.00	83.33	50.00	50.00
5	Thôn Đồng Tròn	5	100.00	40.00	0.00	100.00	20.00	0.00	40.00	80.00	0.00	100.00	40.00	40.00
6	Thôn Sơn Châu	10	60.00	20.00	40.00	100.00	60.00	10.00	20.00	10.00	0.00	50.00	20.00	20.00
7	Thôn Long Sơn	10	60.00	10.00	0.00	100.00	10.00	20.00	0.00	70.00	0.00	80.00	0.00	10.00
8	Thôn Gò Tranh	9	88.89	0.00	0.00	100.00	33.33	44.44	11.11	0.00	0.00	100.00	22.22	0.00
	Tổng cộng:	**75**	**49.33**	**18.67**	**12.00**	**100.00**	**22.67**	**16.00**	**10.67**	**24.00**	**25.33**	**61.33**	**33.33**	**36.00**

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Biểu mẫu 10

Phụ lục 06

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Quyết định số 1486/QĐ -UBND ngày 16tháng1 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	UBND xã Sơn Mai	Tổng số hộ cận nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thôn Trung Thượng	7				7					7	0	0	0
2	Thôn Long Mai	7	3	4	4	7	4	4		4	4	4	4	4
3	Thôn Long Xuân	4	1	0	0	4	0	0	0	1	3	0	2	2
4	Thôn Kỳ Hát	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	2	1	1
5	Thôn Đồng Tròn	2	1	2		2	2			2	1	1		
6	Thôn Sơn Châu	4	0	1	0	4	1	1	1	1	0	2	1	0
7	Thôn Long Sơn	6	1	3	0	5	0	2	2	1	2	3	0	0
8	Thôn Gò Tranh	4	4	0	0	4	3	0	0	0	0	1	0	0
	Tổng cộng:	**37**	**10**	**10**	**4**	**36**	**10**	**7**	**3**	**9**	**17**	**13**	**8**	**7**

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Biểu mẫu 11

Phụ lục 07

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Quyết định số 1486QĐ -UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	UBND xã Sơn Mai	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo (so với tổng số hộ cận nghèo)											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thôn Trung Thượng	7	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00	0.00	0.00
2	Thôn Long Mai	7	42.86	57.14	57.14	100.00	57.14	57.14	0.00	57.14	57.14	57.14	57.14	57.14
3	Thôn Long Xuân	4	25.00	0.00	0.00	100.00	0.00	0.00	0.00	25.00	75.00	0.00	50.00	50.00
4	Thôn Kỳ Hát	3	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	66.67	33.33	33.33
5	Thôn Đồng Tròn	2	50.00	100.00	0.00	100.00	100.00	0.00	0.00	100.00	50.00	50.00	0.00	0.00
6	Thôn Sơn Châu	4	0.00	25.00	0.00	100.00	25.00	25.00	25.00	25.00	0.00	50.00	25.00	0.00
7	Thôn Long Sơn	6	16.67	2.00	0.00	6.00	0.00	33.33	33.33	16.67	33.33	3.00	3.00	0.00
8	Thôn Gò Tranh	4	100.00	0.00	0.00	100.00	75.00	0.00	0.00	0.00	0.00	25.00	0.00	0.00
	Tổng cộng:	**37**	**27.03**	**27.03**	**10.81**	**97.30**	**27.03**	**18.92**	**8.11**	**24.32**	**45.95**	**35.14**	**21.62**	**18.92**

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Biểu mẫu 12

Phụ lục 08

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 16 tháng 1 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	UBND xã Sơn Mai	Phân tổ (Hộ, nhân khẩu)	Tổng số hộ dân cư	Số hộ dân tộc thiểu số	Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng							
					Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ cận nghèo	Hộ nghèo dân tộc thiểu số[1]	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	Hộ nghèo không có khả năng lao động[2]	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng[3]	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thôn Trung Thượng	Hộ	288	287	6	7	6	7	5	6	0	0
		Nhân khẩu	1,000	997	7	13	7	13	6	9	0	0
2	Thôn Long Mai	Hộ	388	337	17	7	16	7	13	4	0	0
		Nhân khẩu	1,463	1,322	38	19	31	19	18	7	0	0
3	Thôn Long Xuân	Hộ	381	242	12	4	7	3	9	3	0	0
		Nhân khẩu	1,426	844	24	14	10	7	14	8	0	0
4	Thôn Kỳ Hát	Hộ	100	100	6	3	6	3	3	2	0	1
		Nhân khẩu	381	381	13	5	13	5	4	3	0	2
5	Thôn Đồng Tròn	Hộ	288	286	5	2	5	2	0	0	0	0
		Nhân khẩu	1,063	1,049	9	7	10	7	0	0	0	0
6	Thôn Sơn Châu	Hộ	347	132	10	4	5	2	2	1	1	0
		Nhân khẩu	1,557	518	50	20	13	5	2	1	9	0
7	Thôn Long Sơn	Hộ	517	368	10	6	9	3	4	3	0	0
		Nhân khẩu	1,979	1,459	50	11	46	7	13	6	0	0
8	Thôn Gò Tranh	Hộ	297	295	9	4	9	4	1	0	1	0

8	Thon Go Trann	Nhân khẩu	1,100	1,091	42	9	42	9	2	0	6	0
	Tổng cộng	**Hộ**	**2,606**	**2,047**	**75**	**37**	**63**	**31**	**37**	**19**	**2**	**1**
		Nhân khẩu	**9,969**	**7,661**	**233**	**98**	**172**	**72**	**59**	**34**	**15**	**2**

[1] Hộ nghèo, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là hộ nghèo, hộ cận nghèo có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

[2] Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

[3] Hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng là hộ nghèo, cận nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hàng tháng

Biểu mẫu 13

Phụ lục 09

PHÂN NHÓM HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO THEO DÂN TỘC

(Kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	UBND xã Sơn Mai	Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ nghèo dân tộc Kinh	Tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số						Tổng số hộ cận nghèo	Tổng số hộ cận nghèo dân tộc Kinh	Tổng số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số					
				Tổng số	Hre	Hoa	Tày	Thái	Mường			Tổng số	Hre	Hoa	Tày	Thái	....
A	B	1=2+3	2	3=4+5…	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11=12+13+..	12	13	14	15	…
1	Thôn Trung Thượng	6	0	6	6					7	0	7	7				
2	Thôn Long Mai	17	1	16	16					7	0	7	7		0		
3	Thôn Long Xuân	12	4	8	8					4	1	4	4				
4	Thôn Kỳ Hát	6	0	6	6	0	0	0	0	3	0	3	3	0	0	0	
5	Thôn Đồng Tròn	5	0	5	5					2	0	2	2				
6	Thôn Sơn Châu	10	5	5	5					4	2	2	2				
7	Thôn Long Sơn	10	1	9	9	0	0	0	0	6	3	3	3	0	0	0	
8	Thôn Gò Tranh	9	0	9	9	0	0	0	0	4	4	4	4	0	0	0	
	Tổng cộng:	**75**	**11**	**64**	**64**	**0**	**0**	**0**	**0**	**37**	**10**	**32**	**32**	**0**	**0**	**0**	

Biểu mẫu 14

Phụ lục 10

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NGUYÊN NHÂN NGHÈO, CẬN NGHÈO

(Kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	Xã Sơn Mai	Tổng số hộ nghèo	Nguyên nhân nghèo								Tổng số hộ cận nghèo	Nguyên nhân cận nghèo							
			Không có đất sản xuất	Không có vốn sản xuất, kinh doanh	Không có lao động	Không có công cụ/ phương tiện sản xuất	Không có kiến thức về sản xuất	Không có kỹ năng lao động, sản xuất	Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	Nguyên nhân khác (ghi rõ)		Không có đất sản xuất	Không có vốn sản xuất, kinh doanh	Không có lao động	Không có công cụ/ phương tiện sản xuất	Không có kiến thức về sản xuất	Không có kỹ năng lao động, sản xuất	Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	Nguyên nhân khác (ghi rõ)
A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	D	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thôn Trung Thượng	6	6	0	5	5	6	3	2	0	7	3	3	6	4	5	4	3	0
2	Thôn Long Mai	17	14	4	13	4	2	2	6	1	7	4	4	1	4	1	4	4	1
3	Thôn Long Xuân	12	0	4	6	0	0	0	3	0	4	1	2	2	0	0	0	1	0
4	Thôn Kỳ Hát	6	5	5	3	6	1	2	1	0	3	2	3	2	3	3	3	0	0
5	Thôn Đồng Tròn	5	5	5		4	5	5	1		2		2		1	2	2	1	1
6	Thôn Sơn Châu	10	3	10	2	2	2	2	3	0	4	2	4	1	4	2	2	1	0
7	Thôn Long Sơn	10	3	8	4	7	6	4	5	0	6	3	4	3	4	4	3	4	0
8	Thôn Gò Tranh	9	8	9	1	3	2	3	1	0	4	4	1	0	2	2	1	0	
	Tổng cộng:	**75**	**44**	**45**	**34**	**31**	**24**	**21**	**22**	**1**	**37**	**19**	**23**	**15**	**22**	**19**	**19**	**14**	**2**

Biểu mẫu 15

Phụ lục 11

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THIẾU HỤT CỦA TRẺ EM THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 16 tháng 1 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	UBND xã Sơn Mai	Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo				Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ cận nghèo			
		Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục	Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục
			Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng	Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học		Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng	Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học
	Đơn vị tính	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*	*Trẻ*
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**
1	Thôn Trung Thượng	0	0	0	0	2	0	*0*	0
2	Thôn Long Mai	4	0	0	0	4	0	0	0
3	Thôn Long Xuân	8	0	1	0	1	0	0	0
4	Thôn Kỳ Hát	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thôn Đồng Tròn	3	0	2	1	3	0	*1*	
6	Thôn Sơn Châu	16	0	0	3	6	0	2	6
7	Thôn Long Sơn	11	0	0	3	6	0	*0*	0
8	Thôn Gò Tranh	11	0	0	0	7	0	*0*	0
	Tổng cộng:	**53**	**0**	**3**	**7**	**29**	**0**	**3**	**6**

Ghi chú:

Cột 1: Tổng số trẻ em thuộc hộ nghèo; Cột 5: Tổng số trẻ em thuộc hộ cận nghèo

Cột 2, 6: Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi hiện không có bảo hiểm y tế.

Cột 3, 7: Trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.

Cột 4, 8: Trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi

(trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi
được tiếp cận giáo dục tiểu học và trẻ từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở)

1

Biểu mẫu 01

Danh sách kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1486/QĐ-UBND ngày 16tháng 1năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

'Kết quả đến tháng 12 năm 2026

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo										Nguyên Nhân nghèo								Chỉ số thiếu hụt của trẻ em			
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4
I	**Trung Thượng**																															
1	Đinh Thị Hiếp	1	Hrê	2	1/1/1959	Trung Thượng	x					x												x	x						
2	Đinh Thị Chen	1	Hrê	2	1/1/1946	Trung Thượng	x					x					x	x	x	x				x							
3	Đinh Thị Mé	1	Hrê	2	1/1/1955	Trung Thượng	x					x						x	x					x							
4	Đinh Nghị	2	Hrê	1	1/1/1938	Trung Thượng	x					x					x	x	x	x				x							
5	Đinh Thị Vin	1	Hrê	2	1/30/1952	Trung Thượng	x					x					x	x		x				x							
6	Đinh Thị Ría	1	Hrê	2	1/1/1963	Trung Thượng	x					x					x	x		x				x							
II	**Long Mai**																															
1	Đinh Lát	1	Hre	1	18/9/1949	Long Mai	x					x						x	x	x	x		x									
2	Đinh Thị Thấy	1	Hre	2	3/5/1940	Long Mai	x					x			x			x	x	x	x		x									
3	Đinh Nga	3	Hre	1	7/13/1948	Long Mai	x		x	x		x						x			x		x			x	x					
4	Đinh Thị Lai	5	Hre	2	1/1/1940	Long Mai			x			x				x		x			x	x		x								
5	Đinh Tiếu	1	Hre	1	20/4/1970	Long Mai						x																				
6	Đinh Thị Ít	1	Hre	2	2/13/1936	Long Mai	x			x		x						x	x	x			x	x								
7	Đinh Thị Lành	1	Hre	2	6/5/1944	Long Mai	x					x			x			x	x	x	x		x				x					
8	Đinh Ó	2	Hre	1	6/3/1937	Long Mai	x			x		x			x			x	x	x			x	x		x						
9	Đinh Thị P Rắt	1	Hre	2	1/1/1938	Long Mai	x			x		x							x		x		x									
10	Đinh Lanh	2	Hre	1	2/4/1945	Long Mai	x		x	x		x						x		x	x		x				x					
11	Đinh Thị Vảnh	2	Hre	2	6/4/1951	Long Mai	x		x	x		x			x			x			x		x									
12	Đinh Xách	1	Hre	1	3/2/1950	Long Mai	x					x			x				x	x	x		x				x					
13	Đinh Trê	1	Hre	1	2/10/1924	Long Mai	x					x									x		x				x					
14	Đinh Cà Rốp	1	Hre	1	7/12/1948	Long Mai	x		x			x			x			x	x	x	x		x									
15	Đinh Nhút	2	Hre	1	10/6/1951	Long Mai	x			x		x						x	x	x	x		x				x					

16	Đinh Thị Ay	6	Hre	2	7/5/1956	Long Mai	x		x	x		x			x	x		x			x	x		x							
17	Chế Thị Thạnh	2	kinh	2		Long Mai	x		x	x		x									x	x		x							
III	**Long Xuân**																														
1	Đinh Thị Ba	2	19	2	12/1/1977	Long Xuân			x			x							x	x		x									
2	Đinh Thị Nữ	2	19	2	1/1/1931	Long Xuân	x					x					x		x	x			x								
3	Đinh Thị Thầu	1	19	2	1/1/1940	Long Xuân	x		x			x			x				x	x		x									
4	Đặng Thị Thanh	3	1	2	1/1/1960	Long Xuân			x	x		x	x						x				x								
5	Đinh Thị Túi	1	19	2	5/22/1947	Long Xuân	x					x			x			x	x	x			x								
6	Đinh Biên	2	19	1	9/5/1940	Long Xuân	x					x					x	x	x	x			x								
7	Đinh Thị Quyêu	1	19	2	7/20/1947	Long Xuân	x					x					x	x	x	x			x								
8	Đinh Thị U	1	19	2	1/1/1933	Long Xuân	x					x			x		x		x	x			x								
9	Nguyễn Thị Hồng	4	1	2	9/2/1952	Long Xuân			x	x	x	x	x									x								x	
10	Nguyễn Tấn Chí	1	1	1	10/10/1976	Long Xuân			x			x					x		x	x		x									
11	Nguyễn Thị Bốn	2	1	2	1/1/1957	Long Xuân	x					x		x				x	x	x											
12	Trương Thị Lệ Vân	3	1	2	8/5/1937	Long Xuân	x		x			x					x		x	x											
IV	**Kỳ Hát**																														
1	Đinh Thị Lía	1	19	2	01/12/1959	Kỳ Hát	x					x						x	x	x			x								
2	Đinh Văn Man	3	19	1	01/12/1965	Kỳ Hát				x		x				x				x											
3	Đinh Thị Xuất	2	19	2	5/6/1972	Kỳ Hát				x		x					x	x			x	x									
4	Đinh Rẹp	2	19	1	15/06/1939	Kỳ Hát	x					x					x	x					x								
5	Đinh Thị Găm	1	19	2	16/10/1945	Kỳ Hát	x					x					x		x	x			x								
6	Đinh Thị Nhạc	4	19	2	12/3/1957	Kỳ Hát				x		x				x		x				x			x						
V	**Đồng Tròn**																														
1	Đinh Thị Phai	3	H'rê	2	1/1/1958	Đồng Tròn			x	x		x				x		x			x	x		x							
2	Đinh Thị Lý	1	H'rê	2	1/1/1957	Đồng Tròn			x			x				x		x		x	x	x		x							
3	Đinh Thị Rảy	2	H'rê	2	1/1/1977	Đồng Tròn			x	x		x	x		x			x	x		x	x								x	
4	Đinh Luộc	2	H'rê	1	3/10/1961	Đồng Tròn			x			x				x		x	x	x	x	x		x							
5	Đinh Thị Giày	2	H'rê	2	1/1/1956	Đồng Tròn			x			x			x	x		x			x	x		x							
VI	**Sơn Châu**																														
1	Nguyễn Thị Bé	9	Kinh	2	6/4/1945	Sơn Châu		x	x			x	x									x				x					
2	Võ Thị Xí	8	Kinh	2	6/4/1945	Sơn Châu			x	x		x	x									x				x					
3	Võ Đoàn Trung Ân	5	Kinh	1	21/10/1993	Sơn Châu			x		x	x	x																		
4	Trần Phong	5	Kinh	1	17/10/1970	Sơn Châu			x			x	x		x							x				x					
5	Nguyễn Thanh Vũ	8	Kinh	1	6/7/1977	Sơn Châu			x			x			x	x										x					
6	Đinh Thị Cường	3	Hre	2	14/12/1977	Sơn Châu			x		x	x						x			x										
7	Đinh Ngọc Tự	2	Hre	1	5/8/2008	Sơn Châu			x			x	x					x			x										
8	Đinh Thị Lói	5	Hre	2	1/1/1969	Sơn Châu			x			x	x					x			x										
9	Đinh Thị Nga	1	Hre	2	10/8/1957	Sơn Châu	x					x						x	x	x	x		x								
10	Đinh Nhách	1	Hre	1	2/7/1945	Sơn Châu	x					x						x	x	x			x								
VII	**Long Sơn**																														
1	Đinh Thị Á	7	Hre	2	1/1/1960	Long Sơn	x			x		x		x		x		x							x	x	x				
2	Đinh Bùi	1	Hre	1	12/1/1963	Long Sơn	x					x							x								x				
3	Đinh Thị Thía	5	Hre	2	01/01/1966	Long Sơn						x				x		x				x				x					

4	Đinh Thị Da	5	Hre	2	7/22/1999	Long Sơn			x			x				x		x			x				x						
5	Đinh Thị Rép	1	Hre	2	12/1/1964	Long Sơn	x					x						x	x		x						x					
6	Võ Thị Sương	4	Kinh	2	10/10/1981	Long Sơn						x				x		x			x						x					
7	Phạm Văn Síp	6	Hre	1	1/1/1984	Long Sơn			x			x				x					x						x					
8	Đinh Thị Lệ	4	Hre	2	2/9/1963	Long Sơn			x			x		x		x		x			x				x		x					
9	Đinh Thị Bôn	3	Hre	2	19/06/1960	Long Sơn			x			x				x		x									x					
10	Đinh Thị Bây	5	Hre	2	1/1/1967	Long Sơn	x		x			x																				
VIII	**Gò Tranh**																															
1	Đinh Văn Thá	2	19	1	3/2/1981	Gò tranh	x		x			x	x		x	x		x			x	x					x					
2	Đinh Lom	5	19	1	9/10/1982	Gò tranh			x			x			x			x			x	x		x							x	
3	Đinh Ka Ni	6	19	1	9/25/1951	Gò tranh			x			x						x			x	x		x								
4	Đinh Thị Lem	5	19	2	12/1/1966	Gò tranh			x			x			x			x			x	x										
5	Đinh Thị Dân	10	19	2	4/1/1960	Gò tranh			x			x						x			x	x		x								
6	Đinh Trinh	7	19	1	1/1/1970	Gò tranh			x			x	x					x			x	x		x							x	
7	Đinh Văn Lý	5	19	1	6/14/2005	Gò tranh						x			x			x			x											
8	Đinh Thị Minh	2	19	2	4/11/1993	Gò tranh			x			x						x	x		x	x		x		x						
9	Đinh Văn Thúc	1	19	1	1/1/1971	Gò tranh			x			x						x	x					x		x						
Tổng cộng: 75 hộ																																

Biểu mẫu 02

Danh sách kết quả rà soát hộ cận nghèo cuối năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số:1486QĐ-UBND ngày 16tháng 11năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

Kết quả đến tháng 12 năm 2025

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo										Nguyên Nhân cận nghèo								Chỉ số thiếu hụt của trẻ em			
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4
I	**Trung Thượng**																															
1	Đinh Phia	4	Hrê	1	2/3/1949	Trung Thượng						x						x			x		x		x							
2	Đinh Trinh	2	Hrê	1	1/1/1964	Trung Thượng	x					x					x				x		x	x								
3	Đinh Phút	4	Hrê	1	7/2/1950	Trung Thượng	x					x							x			x	x									
4	Đinh Thị Mười	1	Hrê	2	4/3/1954	Trung Thượng	x					x					x						x									
5	Đinh Phin	2	Hrê	1	2/6/1953	Trung Thượng	x					x					x						x									
6	Đinh Thị Mả	1	Hrê	2	1/1/1955	Trung Thượng	x					x					x						x									
7	Đinh Thị Biểu	1	Hrê	2	2/4/1956	Trung Thượng	x					x					x						x									
II	**Long Mai**																															
1	Đinh Thị Thắp	4	Hre	2	1/1/1988	Thôn Long Mai			x			x									x			x								
2	Đinh Thanh Tùng	2	Hre	1	3/8/1953	Thôn Long Mai	x					x							x		x		x									
3	Đinh Thị Bẹn	3	Hre	2	1/1/1965	Thôn Long Mai			x			x									x	x				x						
4	Đinh Thị Thùnh	5	Hre	2	6/2/1954	Thôn Long Mai			x			x									x	x										
5	Đinh Ca Ruông	2	Hre	1	2/4/1955	Thôn Long Mai	x					x						x			x	x										
6	Đinh Thị Ra Ố	2	Hre	2	1/2/1962	Thôn Long Mai	x		x			x									x		x			x						
7	Đinh Quốc Danh	1	Hre	1	1/1/1959	Thôn Long Mai	x					x						x			x		x									
III	**Long Xuân**																															
1	Đinh Thị xĩa	5	19	2	1/1/1957	Long Xuân	x									x	x					x										
2	Đinh Thị Pửm	1	19	2	9/1/1960	Long Xuân	x												x	x			x									
3	Đinh Thị Bưởi	1	19	2	1/1/1950	Long Xuân	x												x	x			x									
4	Trần Nhân	7	1	1	10/10/1971	Long Xuân			x								x				x											
IV	**Kỳ Hát**																															
1	Đinh Thị Về	1	19	2	01/01/1958	Kỳ Hát	x					x							x	x			x									
2	Đinh Thị Thời	2	19	2	15/06/1949	Kỳ Hát	x	x				x						x	x				x									

3	Đinh Thị Nếp	2	19	2	17/08/1980	Kỳ Hát						x						x				x				x						
V	**Đồng Tròn**																															
1	Đinh Văn Cồn	4	H'rê	1	7/6/1985	Đồng Tròn			x	x			x			x		x					x	x					x			
2	Đinh Thị Hương	3	H'rê	2	10/14/1995	Đồng Tròn				x			x			x	x						x		x							
VI	**Sơn Châu**																															
1	Đặng Văn Nguyên	9	Kinh	1	24/4/1978	Sơn Châu						x		x								x										
2	Huỳnh Thị Thọ	6	Kinh	2	19/01/1931	Sơn Châu						x			x							x										
3	Đinh Miết	4	Hre	1	1/1/1966	Sơn Châu						x						x									x					
4	Đinh Thị Đắc	1	Hre	2	12/4/1963	Sơn Châu						x						x					x									
VII	**Long Sơn**																															
1	Đinh Thét	4	Hre	1	1/1/1984	thôn Long Sơn						x						x							x		x					
2	Đinh Ấm	2	Hre	1	1/1/1973	thôn Long Sơn						x						x			x				x							
3	Đinh Thị Mảy	1	Hre	2	12/1/1949	thôn Long Sơn	x					x							x				x				x					
4	Lê Tấn Lực	5	Kinh	1	3/26/1986	thôn Long Sơn				x		x																				
5	Nguyễn Thị Hiếu	4	Kinh	2	5/12/1949	thôn Long Sơn	x			x		x															x					
6	Lê Thị Xích	1	Kinh	2	4/2/1946	thôn Long Sơn	x					x							x				x									
VIII	**Gò Tranh**																															
1	Đinh Thị Bơm	1	19	2	1/1/1962	Gò Tranh		0	x									x			x	x		x								
2	Đinh Véo	5	19	1	1/1/1985	Gò Tranh		0	x				x								x			x							x	
3	Đinh Văn Mười	4	19	1	6/15/1991	Gò Tranh		0	x				x								x											
4	Đinh Bôn	4	19	1	12/2/1990	Gò Tranh		0	x				x								x			x								
Tổng cộng: 37 hộ																																

Biểu mẫu 03

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO CUỐI NĂM 2026 THEO CHUẨN GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1486/QĐ-UBND ngày 16 tháng 1 năm 2026 của UBND xã Sơn Mai)

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD	Ghi chú
A	**DANH SÁCH HỘ NGHÈO**				
I	**Trung Thượng**				
1	Đinh Thị Hiếp	2	1/1/1959	051159000834	
2	Đinh Thị Chăn	2	1/1/1946	051146000369	
3	Đinh Thị Mé	2	1/1/1955	051155001171	
4	Đinh Nghị	1	1/1/1938	051038000196	
	Đinh Thị Mú	2	1/1/1951	051151000555	
5	Đinh Thị Vin	2	1/30/1952	051152000771	
6	Đinh Thị Ría	2	1/1/1963	051163002898	
II	**Long Mai**				
1	Đinh Lát	1	18/9/1949	051049000435	
2	Đinh Thị Thấy	2	3/5/1940	051140003248	
3	Đinh Nga	1	13/7/1948	051148000605	
	Đinh Thị Soi	2	3/2/1950	051150000818	
	Đinh Văn Hóa	1	3/2/2003	051203010115	
4	Đinh Thị Lai	2	1/1/1940	051140000283	
	Đinh Một	1	15/11/1979	051079013425	
	Đinh Thị Bảy	2	19/5/1980	051180010317	
	Đinh Thị Hà Thu	2	2/12/2009	051309000975	
	Đinh Thị Thu Ha	2	23/9/2011	051311006022	
5	Đinh Tiếu	1	20/4/1970	051070030498	
6	Đinh Thị Ít	2	13/2/1936	051136000170	
7	Đinh Thị Lành	2	6/5/1944	051144000318	

8	Đinh Ó	1	6/3/1937	051037000249	
	Đinh Thị Háu	2	2/20/1935	051135000132	
9	Đinh Thị P Rắt	2	1/1/1938	051138000393	
10	Đinh Lanh	1	2/4/1945	051045000373	
	Đinh Nhật Hiệp	1	9/1/2012	051212007746	
11	Đinh Thị Vảnh	2	6/4/1951	051151000531	
	Đinh Thị Yến	2	19/9/2008	051308008645	
12	Đinh văn Xách	1	2/3/1950	051050000678	
13	Đinh Trê	1	2/10/1924	051024000016	
14	Điinh Ca Rốp	1	7/12/1948	051048000452	
15	Đinh Nhút	1	10/6/1951	051051000467	
	Đinh Thị Vậy	1	2/8/1957	051157000770	
16	Đinh Thị Ay	2	7/5/1956	051156000899	
	Đinh Hương	1	1/1/1987	051087011783	
	Đinh Hào	1	1/1/1990	051090006441	
	Đinh Thị Mỹ Lệ	2	21/11/2017	051317002463	
	Đinh Thị Du Linh	*2*	28/1/2020	051320009743	
	Đinh Thị Du Min	2	28/1/2020	051320009744	
17	Chế Thị Thạnh	2	1/12/1950	051150000747	
	Đàm Thị Gái	2	1/1/1982	051182001669	
III	**Long Xuân**				
1	Trương Thị Lệ Vân	2	8/5/1937	051137000298	
	Ngô Thị Tuyết Trinh	2	8/5/1974	051174014166	
	Trương Hồng Ánh	2	7/9/2005	051305013538	
2	Nguyễn Thị Bốn	2	1/1/1957	051157000841	
	Đinh Thị Vi	2	1/27/2003	051303001985	
3	Nguyễn Tấn Chí	1	10/10/1976	051076001617	

4	Nguyễn Thị Hồng	2	9/2/1952	046152000641	
	Hoàng Thị Cẩm Giang	2	8/31/1983	051183007284	
	Nguyễn Hoàng Ý Lan	2	10/18/2012	051312008195	
	Nguyễn Hoàng Châu Long	1	5/28/2016	051216007988	
5	Đinh Thị U	2	1/1/1933	051133000069	
6	Đinh Thị Quyêu	2	7/20/1947	051147000475	
7	Đinh Biên	1	9/5/1940	051040000304	
	Đinh Thị Ý	2	4/3/1956	051156000970	
8	Đinh Thị Túi	2	5/22/1947	051147000433	
9	Đặng Thị Thanh	2	1/1/1966	051166005799	
	Đặng Thị Liên	2	2/2/2000	051300011670	
	Đặng Quang Huy	1	4/30/2007	051207013846	
10	Đinh Thị Thầu	2	1/1/1940	051140004724	
11	Đinh Thị Nữ	2	1/1/1931	051131000100	
	Đinh Văn Nha	1	11/10/1986	051086013538	
12	Đinh Thị Ba	2	12/1/1977	051177001412	
	Đinh Văn Banh	1	10/14/2004	051204013320	
IV	**Kỳ Hát**				
1	Đinh Thị Lía	2	01/12/1959	051159000816	
2	Đinh Văn Man	1	01/12/1965	051065001291	
	Đinh Thị Thoa	2	1/12/1968	051168001520	
	Đinh Thị Thúy	2	2/4/1993	051193001206	
3	Đinh Thị Xuất	2	5/6/1972	051172001706	
	Đinh Hoàng Khải	1	29/09/2009	051209009286	
4	Đinh Rẹp	1	15/06/1939	051039000176	
	Đinh Thị De	2	5/6/1942	051142000240	
5	Đinh Thị Găm	2	16/10/1945	051145006054	

6	Đinh Thị Nhạc	2	12/3/1957	051157000839	
	Đinh Ca	1	19/07/1990	051090001297	
	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2	22/08/1987	051187009913	
	Đinh Văn Toàn	1	12/1/2020	051220004185	
V	**Đồng Tròn**				
1	Đinh Thị Phai	2	01/01/1958	051158005409	
	Đinh Văn Hương	1	20/05/2010	051210007914	
	Đinh Văn Dinh	1	14/8/2014	051214010765	
2	Đinh Thị Lỷ	2	1/1/1957	051157006120	
3	Đinh Thị Rảy	2	1/1/1977	051177011336	
	Đinh Thị Bảo Si	2	2/17/2019	051319003864	
4	Đinh Luộc	1	3/10/1961	051061009724	
	Đinh Thị Lê	2	3/2/1956	051156004615	
5	Đinh Thị Giày	2	1/1/1956	051156004771	
	Đinh Thị Phôn	2	7/5/1995	051195015593	
VI	**Sơn Châu**				
1	**Nguyễn Thị Bé**	2	3/5/1950	052150002833	
	Phạm Hồng Phú	1	02/4/1981	051081011831	
	Phạm Thị Hồng Loan	2	09/3//1982	051182005469	
	Phạm Hồng Quý	1	10/6/1986	051086009425	
	Trần Thị Minh	2	3/2/1985	051185005972	
	Phạm Trần Kỳ	1	15/4/2015	051215015001	
	Phạm Tuân	1	17/6/2016	051216006110	
	Phạm Thị Thu Ý	2	29/12/1992	051192016639	
	Phạm Oanh Thơ	1	4/11/2019	051319001327	
2	**Võ Thị Xí**	2	6/4/1945	051145007731	
	Nguyễn Hồng Nhựt	1	15/02/1980	051080005133	
	Trần Thị Duyên	2	30/10/1985	051185017851	
	Nguyễn Trần Thảo Vy	2	12/1/2010	051310008971	
	Nguyễn Trần Phương Quỳnh	2	15/4/2013	051313009911	
	Nguyễn Trọng Nhân	1	15/5/2016	051216010027	
	Phan Nguyễn Hoàng Trúc	2	3/12/2010	051310009040	

	Phan Nguyễn Diễm Trinh	2	12/7/2014	051314005353	
3	**Võ Đoàn Trung Ân**	1	21/10/1993	051093017078	
	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	2	4/2/1989	051189016534	
	Võ Quỳnh Như	2	24/11/2017	051317000783	
	Võ Hoàng Nhật	1	20/6/2021	051221055231	
	Võ Long Nhật	1	20/6/2021	051221005287	
4	**Trần Phong**	1	17/10/1970	051170022050	
	Lê Thị Mai	2	13/03/1974	051174010290	
	Trần Thị Ngọc	2	20/7/1997	051197008816	
	Trần Anh Kiệt	1	20/7/1999	051099007401	
	Trần Thị Ngọc Ánh	2	22/12/2002	051302011896	
5	**Nguyễn Thanh Vũ**	1	6/7/1977	051077014960	
	Nguyễn Thị Tam	2	20/5/1976	051176018989	
	Nguyễn Thanh Kha	1	2/1/1994	051094011595	
	Nguyễn Thanh Khâm	1	2/3/1997	051097021027	
	Nguyễn Thị Xuân Khiết	2	5/8/2005	051305013274	
	Nguyễn Thị Tâm	2	30/10/1996	051196015412	
	Nguyễn Nguyễn Minh Quân	1	8/10/2020	051220007309	
	Nguyễn Ngọc Minh Châu	2	4/4/2024	051324002292	
6	**Đinh Thị Cường**	2	14/12/1977	051177010502	
	Đinh Thị Lui	2	6/20/2006	051306007520	
	Đinh Văn Lịch	1	12/1/2015	051215013093	
7	**Đinh Ngọc Tự**	1	5/8/2008	051208012479	
	Đinh Ngọc Lực	1	5/8/2008	051208002543	
8	**Đinh Thị Lói**	2	1/1/1969	051169010960	
	Đinh Thị Niên	2	9/15/1993	051193004447	
	Đinh Thị Thu Thuỷ	2	8/12/2010	051310005579	
	Đinh Thị Thu Phương	2	5/23/2016	051316007305	
	Đinh Minh Hiền	1	27/12/2021	051221010496	
9	**Đinh Thị Nga**	2	10/8/1957	051157006702	
10	**Đinh Nhách**	1	2/7/1945	051045003932	
VII	**Long Sơn**				
1	Đinh Thị Á	2	1/1/1960	051160010305	

	Đinh Văn Bảo	1	4/4/2015	051215005222	
	Đinh Văn Sáu	1	10/28/2010	051210006309	
	Đinh Văn Khoa	1	3/6/2013	051213001601	
	Đinh Thị Trung	2	1/1/1995	051195012343	
	Đinh Văn Cầu	1	8/22/2017	051217001111	
	Đinh Thị Kiều	2	5/18/2009	051319002115	
2	Đinh Bùi	1	12/1/1963	051063009220	
3	Đinh Thị Thía	2	01/01/1966	051166006727	
	Đinh Thị Thê	2	1/1/1988	051188007007	
	Đinh Thị Tiên	2	10/10/1992	051192015601	
	Đinh Thị Truyền	2	6/10/1996	051196005862	
	Đinh Đức Toàn	1	3/4/2023	051223008962	
4	Đinh Thị Da	2	7/22/1999	051099009886	
	Đinh Thị Dui	2	1/1/1974	051174011643	
	Đinh Văn Tiêm	1	4/1/2004	051204013275	
	Đinh Thị Minh Thu	2	1/1/2016	051316003635	
	Đinh Thị Thu Thanh	2	12/9/2018	051318012436	
5	Đinh Thị Rép	2	12/1/1964	051164010948	
6	Võ Thị Sương	2	10/10/1981	051181016902	
	Trương Văn Khánh	1	2/19/1978	038078019392	
	Trương Văn Anh	1	7/12/2002	051202012557	
	Trương Anh Khoa	1	5/25/2010	051210009765	
7	Phạm Văn Síp	1	1/1/1984	051084014120	
	Đinh Thị Bái	2	3/1/1985	051185010788	
	Phạm Thị Thảo	2	9/6/2009	051309011300	
	Phạm Thị Hoài Thương	2	10/16/2016	051316012119	
	Phạm Thị Thủy	2	5/7/2012	051312013671	
	Phạm Hoài An	1	11/16/2018	051218011416	
8	Đinh Thị Lệ	2	2/9/1963	051163010003	
	Đinh Ninh	1	3/2/1984	051084004844	
	Đinh Thị Kép	2	1/1/1986	051186013670	
	Đinh Đông	1	5/2/2016	051216008601	
9	Đinh Thị Bôn	2	19/06/1960	051160006176	

	Đinh Thị Bức	2	3/12/1988	051188012949	
	Đinh Minh Thắng	1	3/10/2011	051211013622	
10	Đinh Thị Bây	2	1/1/1967	051167012998	
	Đinh Thị Mết	2	4/26/1985	051185015867	
	Đinh Thị Hà	2	12/20/2006	051306008492	
	Đinh Thị Hoài Thương	2	12/2/2010	051310005042	
	Đinh Thị Mỹ Thiên	2	9/6/2021	051321007558	
VIII	**Gò Tranh**				
1	Đinh Văn Thá	1	3/2/1981	051096014750	
	Đinh Thị Phong	2	6/4/1979	051179004830	
2	Đinh Lom	1	9/10/1982	051082013011	
	Đinh Thị Số	2	1/1/1992	051192006953	
	Đinh Thị Phân	2	12/24/2008	051308004532	
	Đinh Văn Phối	1	11/6/2013	051213002084	
	Đinh Văn Phê	1	2/14/2010	051210010767	
3	Đinh Ka Ni	1	9/25/1951	051051002946	
	Đinh Thị Đui	2	9/3/1955	051155008282	
	Đinh Phương	1	3/27/1996	051096006559	
	Đinh Thị Hoa	2	6/20/2000	051300006062	
	Đinh Diên	1	4/11/2004	051204006691	
	Đinh Canh	1	1/20/1978	051078015939	
4	Đinh Thị Lem	2	12/1/1966	051166005059	
	Đinh Văn Điên	1	3/26/1994	051094002540	
	Đinh Văn Siêng	1	12/21/2006	051206007137	
	Đinh Thị Yến	2	2/12/1993	051193010174	
	Đinh Gia Khánh	1	12/12/2011	0512110131025	
5	Đinh Thị Dân	2	4/1/1960	051160006070	
	Đinh Thị Thiết	2	6/1/2010	051319002286	
	Đinh Văn Định	1	1/27/2014	051214004499	
	Đinh Thị Du	2	8/2/2007	051307009098	
	Đinh Văn Phương	1	6/3/2005	051205005194	
	Đinh Thị Lá	2	12/13/1996	051196007457	
	Đinh Thị Thư	2	4/29/2015	051315005212	

	Đinh Văn Kha	1	10/28/2009	051209002191	
	Đinh Thị Như Yến	2	8/28/2023	051323010104	
6	Đinh Thị Lý	2	4/20/1995	051195004698	
7	Đinh Trinh	1	1/1/1970	051070022209	
	Đinh Thị Khô	2	1/1/1978	051178014648	
	Đinh Thị Suối	2	1/1/1996	051196008856	
	Đinh Thị Sóp	2	8/7/2006	051306004600	
	Đinh Văn Sun	1	1/1/2005	051205007610	
	Đinh Văn Khương	1	7/15/2015	051215001375	
8	Đinh Thị Minh	2	4/11/1993	051193009868	
	Đinh Trung Đại	1	4/27/2013	051213008434	
9	Đinh Văn Thúc	1	1/1/1971	051071011123	
B	**DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO**				
I	**Trung Thượng**				
1	**Đinh Phia**	1	2/3/1949	051049003197	
	Đinh Thị Vội	2	3/5/1954	051154001266	
	Đinh Văn Tánh	1	4/20/1988	051088001310	
	Đinh Văn Tân	1	1/1/1990	051090001284	
2	Đinh Trinh	1	1/1/1964	051064001613	
	Đinh Thị Oí	2	1/1/1956	051156001053	
3	Đinh Phút	1	7/2/1950	051050000719	
	Đinh Thị Trai	2	1/1/1961	051161000803	
	Đinh Hoàng Phong	1	4/28/2012	051212012750	
	Đinh Trọng Tôn	1	10/22/2017	051217012078	
4	Đinh Thị Mười	2	4/3/1954	051154001145	
5	Đinh Phin	1	2/6/1953	05105300609	
	Đinh Thị Bí	2	7/2/1956	051156001057	
6	Đinh Thị Mả	2	1/1/1955	05115500174	
7	Đinh Thị Biểu	2	2/4/1956	051156001060	
II	**Long Mai**				
1	Đinh Thị Thắp	2	1/1/1988	051188003332	
	Đinh Thanh Hôn	1	20/1/2006	051206000670	
	Đinh Minh Hơn	1	29/1/2018	051218009947	

	Đinh Thanh Trúc	2	21/1/2013	051383010754	
2	Đinh Thanh Tùng	1	3/8/1953	051053000628	
	Đinh Thị Dố	2	1/1/1956	051156000972	
3	Đinh Thị Ben	2	1/1/1965	051165001215	
	Đinh Thị Tân	2	1/1/1983	051183014159	
	Đinh Văn Thiện	1	29/4/2020	051220001100	
4	Đinh Thị Thùnh	2	6/2/1954	051154001107	
	Đinh Quang Lâm	1	4/2/2007	051207012598	
	Đinh Văn Biên	1	17/8/1994	051094014096	
	Đinh Thị Cuôn	2	4/6/1994	051194003403	
	Đinh Hoàng Huy	1	31/3/2018	051218002529	
5	Đinh Ca Ruông	1	2/4/1955	051055000931	
	Đinh Thị Bây	2	3/5/1955	051155000996	
6	Đinh Thị Ra Ố	2	1/2/1962	051162001018	
	Đinh Văn Dới	1	1/1/1994	051094000868	
7	Đinh Quốc Danh	1	1/1/1959	051059000667	
III	**Long Xuân**				
1	Trần Nhân	1	10/10/1971	051071001541	
	Phan Thị Thúy	2	8/14/1975	051175010211	
	Trần Thị Thanh Ngân	2	8/10/1997	051197005911	
	Trần Thanh Hải	1	8/5/1999	051099012844	
	Trần Thanh Hào	1	3/9/2004	051204001188	
	Trần Thanh Bảo Khang	1	3/6/2019	051219009552	
	Nguyễn Tuyết Diễm	2	9/3/2001	051301008174	
2	Đinh Thị Bưởi	2	1/1/1950	051150000815	
3	Đinh Thị Pửm	2	9/1/1960	051160001076	
4	Đinh Thị Xĩa	2	1/1/1957	051157000840	
	Đinh Thị Nương	2	1/1/1995	051195000879	
	Đinh Nhi	1	7/16/1991	051091005503	
	Đinh Quang Khánh	1	10/3/2013	051213006422	
	Đinh Thị Mỹ Huệ	2	4/22/2023	051323002136	
IV	**Kỳ Hát**				
1	Đinh Thị Về	2		051158000900	

2	Đinh Thị Thời	2	15/06/1949	051149000596	
	Đinh Xuân Thay	1	1/1/1958	051058000773	
3	Đinh Thị Nếp	2	17/08/1980	051180001740	
	Đinh Văn Sanh	1	20/05/2005	051205013763	
V	**Đồng Tròn**				
1	Đinh Văn Cồn	1	7/6/1985	051085017746	
	Đinh Thị Biêu	2	4/6/1987	051187008515	
	Đinh Thị Thanh Trúc	2	3/9/2008	051308012516	
	Đinh Thị Thúy Du	2	10/30/2014	051314004423	
2	Đinh Thị Hương	2	5/6/1995	051195016033	
	Đinh Thị Kim Huệ	2	15/11/2013	051313006835	
	Đinh Thị Thảo Nguyên	2	3/10/2019	051319004664	
VI	**Sơn Châu**				
1	Đặng Văn Nguyên	1	27/4/1978	051078013432	
	Đỗ Thị Ngọc Thảo	2	24/4/1986	0095186013283	
	Đặng Thị Kim Hồng	2	9/1/2005	051305013110	
	Đỗ Thành Đạt	1	15/01/2012	079212040166	
	Đặng Tiến Thành	1	25/02/2013	051213008230	
	Đặng Thành Công	1	29/9/2014	051214006344	
	Đỗ Thị Bích Loan	2	9/1/2025	079305033122	
	Đặng Thị Hồng Thắm	2	7/10/2023	051323010351	
	Đặng Thành Trung	1	28/01/2025		
2	**Huỳnh Thị Thọ**	2	19/01/1931	051131001807	
	Lê Thị Sinh	2	16/10/1972	051172005957	
	Đỗ Xuân Kim	1	15/5/1968	051068018705	
	Lê Thị Hà Vy	2	12/6/1993	051193012931	
	Đỗ Nhật Huy	1	22/3/2000	051200011950	
	Đỗ Long Vỹ-	1	27/8/2005	051205012855	
3	**Đinh Miết**	1	1/1/1966	051066020416	
	Đinh Thị Nhủ	2	1/1/1973	051173008467	
	Đinh Văn Sương	1	28/9/1995	051095016980	
	Đinh Văn Sẻ	1	6/10/1997	051097011579	
4	**Đinh Thị Đắc**	2	12/4/1963	051163004587	

VII	**Long Sơn**				
1	Đinh Thét	1	1/1/1984	051084005610	
	Đinh Thị Via	2	5/10/1985	051185007213	
	Đinh Nam	1	1/24/2024	051224000741	
	Đinh Niên	1	9/8/2012	051212001694	
2	Đinh Ấm	1	1/1/1973	051073009913	
	Đinh Bai	1	3/7/1994	051094013072	
3	Đinh Thị Mảy	2	12/1/1949	051149002751	
4	Lê Tấn Lực	1	3/26/1986	051086016361	
	Lý Thị Tẩn	2	7/7/1985	051185010939	
	Hồ Thị Văn	2	6/6/1956	051156005144	
	Lê Phương Bảo Ngọc	2	4/19/2013	051313012746	
	Lê Phương Bảo Hân	2	4/3/2017	051317009253	
5	Nguyễn Thị Hiếu	2	5/12/1949	051149003781	
	Lưu Thị Sương	2	8/19/1987	051187014531	
	Lưu Thanh Khiêm	1	10/25/2009	051209002044	
	Lê Tấn Mạnh Hùng	1	10/6/2013	051213012561	
6	Lê Thị Xích	2	4/2/1946	051146007980	
VIII	**Gò Tranh**				
1	Đinh Thị Bơm	2	1/1/1962	051162004816	
2	Đinh Véo	1	1/1/1985	051095011343	
	Đinh Thị Đăm	2	2/10/1996	051196004410	
	Đinh Suông Hải	1	5/23/2017	051217010016	
	Đinh Mai Vương Hồng	1	4/25/2015	051315001763	
	Đinh Suông Vương	1	5/24/2013	051213008420	
3	Đinh Văn Mười	1	6/15/1991	051091007000	
	Đinh Thị Dô	2	8/23/1996	051196010750	
	Đinh Minh Khải	1	9/25/2013	051213008321	
	Đinh Thị Minh Ánh	2	3/30/2019	051319002180	
4	Đinh Bôn	1	12/2/1990	051090013587	
	Đinh Thị Sút	2	3/26/1997	051197013610	
	Đinh Minh Gu	1	11/6/2016	051216008615	
	Đinh Minh Ghi	1	4/22/2019	051219007607	